

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày 07-4-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2021/TLST–DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST–DS ngày 24/02/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1982; Đăng ký thường trú: đường số 6, khu HP 3, phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: ấp AB, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị Mỹ L: Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp QT, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và chị Lý Thị P, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh T, chị P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Phan Thị Mỹ L là chủ cửa hàng và thức ăn thủy sản Bình L. Vào tháng 7 năm 2016 anh T, chị P và chị L có thoả thuận, chị L bán thuốc, thức ăn cho anh T, chị P để anh T, chị P nuôi tôm công nghiệp. Hai bên thoả thuận: khi

cần mặt hàng nào thì anh T, chị P gọi điện thoại cho cửa hàng chị L thì chị L sẽ giao hàng đến tận ao nuôi tôm, khi giao hàng anh T và chị P có ký tên nhận hàng. Anh T và chị P cam kết khi nào thu hoạch tôm xong thì sẽ T toán toàn bộ cho chị L. Tuy nhiên, có những vụ anh T và chị P không T toán đủ cho chị L nhưng chị L vẫn đồng ý và tiếp tục bán cho anh T và chị P. Tính đến ngày 17/01/2018 thì anh T và chị P còn nợ chị L số tiền là 192.083.900 đồng, sau nhiều lần nhắc nhở thì anh T và chị P có trả cho chị L 84.976.400 đồng. Tính đến ngày 17/01/2021 thì anh T và chị P còn nợ chị L số tiền 112.107.500 đồng, đến ngày 30/6/2021 anh T và chị L có trả cho chị L 10.000.000 đồng. Do anh T và chị P không T toán cho chị L nên chị L khởi kiện anh T và chị P. Đến ngày 17/12/2021 anh T và chị P có trả cho chị L được 10.000.000 đồng. Nay chị L yêu cầu anh T và chị P có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền là 92.107.500 đồng. Chị L tự nguyện rút lại yêu cầu anh T và chị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L nợ lãi là 2.966.223 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Lý Thị P trình bày:

Việc ký kết hợp đồng, hình thức mua bán đúng như lời trình bày của chị L. Do chị L không tiếp tục bán hàng cho vợ chồng chị và do dịch bệnh nên vợ chồng chị bị thua lỗ không có tiền trả cho chị L. Chị thừa nhận hiện nay vợ chồng chị còn nợ chị L số tiền là 92.107.500 đồng. Hiện nay kinh tế gia đình của vợ chồng chị rất khó khăn không thể trả một lần theo yêu cầu của chị L. Chị yêu cầu được trả dần như sau: vào đầu tháng 06 năm 2022 trả 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, nếu có tiền nhiều thì anh chị trả nhiều, nếu có ít thì trả ít, trả cho đến nào hết số tiền nêu trên.

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L. Buộc anh T và chị P có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền là 92.107.500 đồng. Do Chị L tự nguyện rút lại yêu cầu anh T và chị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L nợ lãi là 2.966.223 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với đối với yêu cầu tính lãi của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Văn T và chị Lý Thị P hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại số 85/1 ấp An Thủy, xã An Qui, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo N có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị N.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Lý Thị P đã được Tòa án án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T và chị P đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thành và chị P.

[4] Xét yêu cầu của chị L về việc tự nguyện rút lại yêu cầu anh T và chị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L nợ lãi là 2.966.223 đồng. Xét thấy: việc rút yêu cầu khởi kiện này chị L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung vụ án: Hợp đồng mua bán tài sản giữa chị L với anh T và chị P được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Anh T và chị P thừa nhận hiện nay còn nợ chị L số tiền là 92.107.500 đồng. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy hợp đồng này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện anh T và chị P đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó, việc chị L yêu cầu anh T và chị P phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị L nợ gốc là 92.107.500 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu trả nợ dần của anh T và chị P, xét thấy: Do anh T và chị P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho chị L trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị L. Đồng thời, tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của anh T và chị P nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên anh T và chị P phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn T và chị Lý Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L nợ lãi là 2.966.223 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lý Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L số tiền là 92.107.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị Mỹ L được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.627.000 đồng theo biên lai thu số 0002877 ngày 25 tháng 10 năm 2021.

Anh Nguyễn Văn T và chị Lý Thị P phải liên đới nộp là 4.605.375 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

